

**Tập 233**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi lăm:

*(Sao) Hựu Quán Kinh đệ cửu, quán Phật tướng hảo sớ, trực vị quán Phật Pháp Thân. Tướng hảo ký tức Pháp Thân, danh hiệu hà phi Thật Tướng?*

*(鈔)又觀經第九，觀佛相好疏，直謂觀佛法身，相好既即法身，名號何非實相。*

*(Sao: Lại nữa, trong phần Sớ giảng về [phép Quán] thứ chín, tức phép quán tướng hảo của Phật trong Quán Kinh, [tổ sư] đã nói thẳng thừng [quán tướng hảo chính là] quán Pháp Thân của Phật. Tướng hảo đã là Pháp Thân, lẽ nào danh hiệu chẳng phải là Thật Tướng?)*

Đại sư trích dẫn kinh văn để chứng minh “danh hiệu chẳng khác Thật Tướng”.

*(Diễn) Trực vị quán Phật Pháp Thân giả, vị lục thập vạn ức na-do-tha do-tuần chi thân, thị Thật Báo thân, danh vị Tôn Đặc, diệc danh Thắng Ứng; nhi đặc danh Pháp Thân giả, vị thành hành nhân viên diệu cảnh dã. Lương dĩ Báo Ứng thuộc Tu, Pháp Thân thị Tánh. Nhược Tiệm Giáo thuyết, biệt khởi Báo Ứng nhị tu, trang nghiêm Pháp Thân nhất tánh. Nhược Đốn Giáo thuyết Báo Ứng nhị tu, toàn thị Tánh cụ Pháp Thân nhất tánh. Cử Thể khởi tu, cố đắc toàn Tánh thành Tu, toàn Tu tại Tánh, tam thân dung diệu, chỉ nhất tức tam dã.*

*(演)直謂觀佛法身者，謂六十萬億那由他由旬之身，是實報身，名為尊特，亦名勝應；而特名法身者，為成行人圓妙境也。良以報應屬修，法身是性。若漸教說，別起報應二修，莊嚴法身一性；若頓教詮報應二修，全是性具法身一性。舉體起修，故得全性成修，全修在性，三身融妙，指一即三也。*

*(Diễn: “Nói thẳng thừng là quán Pháp Thân của Phật”, ý nói: Thân cao sáu mươi vạn ức na-do-tha do-tuần là thân Thật Báo, được gọi là Tôn Đặc (tôn quý, đặc biệt), cũng gọi là Thắng Ứng. Nhưng đặc biệt gọi là Pháp Thân vì để thành tựu cảnh viên mãn và mẫu nhiệm cho hành nhân. Ấy chính là vì Báo Thân và Ứng Thân thuộc về Tu, mà Pháp Thân là Tánh.*

*Nếu nói theo Tiệm Giáo, sẽ lập riêng hai cách tu Báo Thân và Ứng Thân, nhưng Pháp Thân trang nghiêm là cùng một tánh. Nếu căn cứ theo Đốn Giáo để nói về hai loại tu Báo Thân và Ứng Thân, chúng sẽ hoàn toàn là một tánh, tánh ấy vốn sẵn đủ Pháp Thân. Dùng toàn Thể để khởi tu; vì thế, toàn thể Tánh trở thành Tu, toàn thể Tu ở nơi Tánh. Ba thân viên dung mẫu nhiệm, cho nên nêu ra một thân là nói trọn cả ba thân).*

Quán Kinh nói về Báo Thân của Phật Di Đà. Chư vị phải biết: Trên thực tế, Báo Thân của Phật Di Đà chính là thân tướng của hết thầy đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì thân tướng trong thế giới Tây Phương bình đẳng. Thế giới ấy rất lớn, dựa theo thân lượng (vóc dáng thân thể) và tâm lượng của chúng ta để quan sát, [sẽ thấy thân tướng ấy] hết sức thù thắng lạ lùng, đặc biệt. Những điều này đều là do quả báo của hết thầy chúng sanh trong pháp giới khác nhau. Thân loài người chúng ta chẳng lớn, nhưng nếu một con kiến trông thấy thân người, sẽ [có cảm nghĩ] chẳng khác gì chúng ta thấy thân tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Quý vị có thể quan sát từ phương diện này, sẽ biết tướng hảo và sự thọ dụng nơi thân, không gì chẳng phải là quả báo. Do cái nhân của thế giới Tây Phương thù thắng, cho nên quả báo [trong cõi Cực Lạc] cũng thù thắng. Cái nhân trong thế giới [Sa Bà] này kém cõi, cho nên quả báo cũng kém cõi. Trong kinh, đức Phật dạy Ngũ Giới, Thập Thiện, Nho gia nói Ngũ Thường, Bát Đức, đều là những cái nhân để được sanh trong cõi trời, người. Tuy chúng ta tu [những cái nhân ấy], rất khó tu viên mãn, rất khó tu thuần tịnh, luôn luôn là xen tạp, chẳng thanh tịnh, chẳng viên mãn. Do vậy, đạt được thân người cũng chẳng viên mãn: Thân chẳng viên mãn, tướng mạo cũng chẳng viên mãn, hết thầy các thứ thọ dụng trong hoàn cảnh sống đều chẳng viên mãn. Do nguyên nhân nào vậy? Do chúng ta đã tu cái nhân chẳng viên mãn.

Người ngoại quốc cảm nhận cuộc sống gian nan, đau khổ chẳng khác chúng ta. Bọn họ quá nửa là tín đồ Cơ Đốc giáo hay Thiên Chúa giáo<sup>1</sup>, mỗi Chủ Nhật đều đi nhà thờ. Trong nhà thờ, họ nêu lên rất nhiều

---

<sup>1</sup> Người Hoa thường gọi Công Giáo (Roman Catholic Church) và đôi khi gọi Chánh Thống giáo (Eastern Orthodox Catholic Church, Eastern Church, Orthodoxy) là Thiên Chúa giáo. Họ gọi các giáo phái khác tin vào Chúa Jesus là Cơ Đốc giáo, tuy cách gọi này không chính xác, vì Cơ Đốc giáo là chữ dùng để dịch từ ngữ Christianity (Christianity bao gồm tất cả những tông phái tin vào Jesus Christ). Do đó, trong các văn bản chánh thức, người Hoa gọi ba tông phái lớn của Cơ Đốc giáo là Thánh Công Hội (Công giáo), Đông Chánh giáo (Chánh Thống giáo) và Cơ Đốc Tân giáo (các giáo

câu hỏi về hiện thực, nhưng linh mục lẫn mục sư đều chẳng thể giải thích viên mãn, chỉ đành bảo họ: “Hết thầy đều do Thượng Đế an bài”. Họ nghe xong, cũng chẳng có cách nào khác, trở về nhà suy ngẫm: “Có sao Thượng Đế an bài chẳng công bằng dường ấy?” Tuy đi nhà thờ, tâm nửa tin nửa ngờ, thậm chí có kẻ chẳng tin tưởng, cho nên từ đây cũng chẳng thêm đến nhà thờ nữa! Tôn giáo ở phương Tây dần dần sa sút. Trong Phật pháp có cơ sở lý luận rất hay, bảo cho chúng ta biết nhân duyên quả báo chẳng sai suyễn mảy may; [Hoàn cảnh sống của chúng ta trong đời này] chẳng phải do Thượng Đế an bài, cũng chẳng phải do Phật, Bồ Tát, hay Diêm La Vương an bài cho quý vị, mà là do chính mình tự an bài cho chính mình. Đó là sự thật lý luận chính xác!

Nếu chúng ta muốn được hết thầy viên mãn, quý vị phải tu cái nhân viên mãn tốt lành thì quả báo mới có thể thù thắng. Nhân, duyên, quả báo trong thế giới Tây Phương đều viên mãn. Nay chúng ta phát nguyện tu học pháp môn này, nếu chẳng thể thật thà niệm Phật, thật thà hết sức khó có, như thế nào thì mới được coi là thật thà? Trong cuộc sống hằng ngày, chẳng có một vọng tưởng nào, suốt ngày từ sáng đến tối là một câu A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, chẳng có một vọng tưởng nào, đó là “thật thà”. Niệm Phật như vậy, quyết định thành tựu! Có thể chẳng cần nghe kinh, chẳng cần nghiên cứu giáo lý. Vì sao? Đối với hết thầy các đạo lý được giảng trong kinh, một câu “*thật thà*” đã bao trùm toàn bộ:

1) Mục tiêu bậc nhất của kinh giáo là “*khuyến tín*”, khuyên chúng ta tin tưởng.

2) Mục tiêu thứ hai là khiến cho chúng ta lý giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

3) Mục tiêu thứ ba là dạy quý vị hãy nương theo lý luận và phương pháp trong kinh điển để thật sự tu hành. Thật sự tu hành là như thế nào? Chính là thật thà niệm Phật.

Những bà cụ già niệm một câu Di Đà đến cùng, bèn tiến nhập mục tiêu thứ ba, chẳng cần tới hai mục tiêu trước, đã đạt tới mục tiêu thứ ba rồi! Điều sau nhất định bao gồm điều trước, điều trước không nhất định bao gồm điều sau. Chúng ta tin tưởng, chưa chắc đã lý giải. Đã lý giải, chưa chắc chịu làm, vẫn là làm không được. Nhất định phải làm được thì mới có thể vãng sanh. [Đã có] tín và giải [mà không có hành], đều chẳng

---

hội Tin Lành, Phúc Âm, Cải Cách, Phản Thệ (Protestant), các giáo hội Cơ Đốc độc lập như Methodism (Tuân Đạo giáo), Unitarist (Nhất Vị Luận), Anh giáo (Anglican Church) và các giáo hội nhỏ hơn phát sinh từ Anh giáo như Espiscopal (Mỹ Quốc Thánh Công Hội) v.v...).

thể vãng sanh, các đồng tu ắt phải ghi nhớ điều này! Vì lẽ đó, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi. Thật sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn, niệm đến mức tín tâm thanh tịnh, cái nhân [vãng sanh Cực Lạc] liền thù thắng. Kinh Kim Cang đã dạy: “*Tín tâm thanh tịnh, bèn sanh Thật Tướng*”, tương ứng với điều đang nói ở đây, đạt được Báo Thân thù thắng như vậy.

Đây là Báo Thân chân thật, còn gọi là Tôn Đặc Thân. Tôn (尊) là tôn quý, Đặc (特) là đặc thù. “*Diệc danh Thắng Ứng*” (Còn gọi là Thắng Ứng), Thắng (勝) là cảm ứng hết sức thù thắng. Nói thật ra, đây chính là Báo Thân, vì sao chẳng nói tới Pháp Thân? Pháp Thân là Lý Thể, bản thể. “*Nhi đặc danh Pháp Thân giả*” (Nhưng đặc biệt gọi là Pháp Thân): Trong Quán Kinh Sớ, chẳng phải là kinh nói, [mà là] đối với Báo Thân và Ứng Thân, các vị tổ sư đại đức đều gọi chúng là Pháp Thân. Có thông suốt hay chẳng? Nói thật ra, thông suốt lắm! Chẳng thể nói là [cách diễn giảng như thể] không thông suốt. Trong các buổi giảng, cổ đức thường dùng tỷ dụ để nói. Chẳng hạn như “*dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng*”. Vàng ví như Pháp Thân, các món vật giống như Báo Thân và Ứng Thân. Nếu chúng ta nói các món đồ ấy là vàng thì có thể nói suông sè hay không? Đương nhiên là có thể nói suông sè! Không chỉ thân này là Pháp Thân, mà tùy ý lấy một vật, có vật nào chẳng phải là Pháp Thân? Tướng của hết thảy các vật nói chung chẳng lìa bản thể. Thể là Pháp Thân, “*pháp*” là hết thảy vạn pháp. Do vậy, có thể nói thông suốt. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư nói “*một Thể ba thân*”, thân hiện tiền của chúng ta là Ứng Thân và Báo Thân, mà cũng là Pháp Thân, nói thông suốt! Quý vị phải biết lời các Ngài đã nói chính là ý nghĩa chân thật. Thuyết pháp như vậy là đã nói viên mãn Thể, Tướng, Dụng. Thật Thể và Thật Tướng cũng là tác dụng, điều này thuận tiện cho hàng sơ học chúng ta quán tưởng, tu quán, quán chiếu, chiếu trụ, chiếu kiến. Đây cũng là ba giai đoạn công phu thường được nhắc đến trong Đại Thừa Phật pháp, giai đoạn thứ nhất là Quán Chiếu, giai đoạn thứ hai là Chiếu Trụ, giai đoạn thứ ba là Chiếu Kiến. Trong Tâm Kinh, “*Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”, đó là tu đến giai đoạn cao nhất. “*Vị thành hành nhân viên diệu cảnh dã*” (Vị thành tựu cảnh viên mãn, mầu nhiệm cho hành nhân), “*thành*” (成) là thành tựu, “*hành nhân*” (行人) là người tu hành. Giúp người tu hành thành tựu cảnh giới viên diệu (圓妙: viên mãn, mầu nhiệm). Cảnh giới viên diệu là sở quán (đối tượng được quán), năng quán (chủ thể quán tưởng) là trí.

“*Lương dĩ Báo Ứng thuộc Tu, Pháp Thân thị Tánh*” (Áy là vì Báo Thân và Ứng Thân thuộc Tu, Pháp Thân là Tánh), Báo Thân và Ứng Thân

đều do tu được. Pháp Thân là bản tánh, chẳng do tu được, chẳng tu, chẳng chứng, vô sanh, vô diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng như, chẳng sạch. Nó là bản thể của hết thảy vạn pháp. Bất luận là Báo Thân hay Ứng Thân đều chẳng lìa khỏi bản thể. Lìa khỏi bản thể, sẽ chẳng có một pháp nào để có thể được, mà cũng chẳng có sự tương gì để có thể thành tựu. Ví như “*dùng vàng làm đồ vật*”, rời khỏi vàng há có đồ vật? Bất luận làm món gì bằng vàng đều phải có vàng. Vàng là chất liệu. Chẳng có chất liệu ấy, làm thế nào cũng chẳng thành công! Do vậy, hết thảy vạn pháp đều chẳng lìa khỏi bản thể, Tánh là bản thể. Nơi hết thảy hữu tình, chúng ta gọi tánh ấy là Phật Tánh, Phật Tánh là Pháp Thân. Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Đã có Phật Tánh, ắt sẽ thành Phật. Do vậy, hết thảy chúng sanh bình đẳng. Bình đẳng nhìn từ nơi đâu? Nhìn từ bản tánh. Nơi vô tình chúng sanh (thực vật, khoáng vật), chúng ta gọi tánh ấy là Pháp Tánh. Chư vị phải hiểu: Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh, chỉ là xét theo hữu tình hay vô tình mà đặt cho nó một cái giả danh mà thôi! Chính vì chúng nó (Phật Tánh và Pháp Tánh) là một tánh, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chung Trí*”. Chúng ta không chỉ bình đẳng với hết thảy hữu tình chúng sanh, mà cũng bình đẳng với hết thảy vô tình thực vật và khoáng vật. Chẳng có một pháp nào không bình đẳng; đó là thật sự bình đẳng.

Thưa cùng chư vị, tâm bình đẳng chính là bản tánh, là chân tánh, là Phật Tánh của quý vị. Chư vị phải biết: Vốn là bình đẳng, bị biến thành bất bình đẳng, điều gì biến? Chẳng phải là thân tướng của chúng ta biến đổi, mà là tâm biến đổi. Thân tướng là đồ vật, “*món nào cũng đều là vàng*”. Nó sẽ chẳng biến. Cái có thể biến chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta. Do quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên Phật Tánh biến thành A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là danh xưng của sự mê mất tánh, nó chẳng phải là gì khác, mà chính là chân tánh của chính mình. Đã giác ngộ bèn gọi nó là Pháp Thân; đã mê bèn gọi là A Lại Da, chuyện là như thế đó! Hễ biến thành A Lại Da, càng mê càng sâu. Do vậy, phải nhận thức chân tướng. Sau khi đã nhận thức, chúng ta mới biết tầm quan trọng của việc tu tâm thanh tịnh và tu tánh bình đẳng. Đức Phật dạy chúng ta tu, chúng ta sẽ hỏi: “*Vì sao phải tu? Không tu có được hay không?*” Hiểu rõ chân tướng sự thật, sẽ hiểu vì sao chúng ta phải tu, mới hoan hỷ tu học, sẽ chẳng hoài nghi, phát tâm hoan hỷ.

“*Nhược Tiệm Giáo thuyết, biệt khởi Báo Ứng nhị tu*” (Nếu nói theo Tiệm Giáo, lập riêng hai loại tu học Báo Thân và Ứng Thân). Liên Trì đại sư soạn bộ chú giải Di Đà Sớ Sao đã dùng giáo nghĩa của tông Hoa

Nghiêm, Ngẫu Ích đại sư viết Di Đà Yêu Giải đã chọn giáo nghĩa Thiên Thai. Tuy Hiền Thủ và Thiên Thai nói Ngũ Giáo hoặc Tứ Giáo bất đồng, nhưng có thể nói là quan niệm về Tiệm và Đốn giống nhau. “*Tiệm tu*” (漸修) là phương tiệm tu, từ cạn đến sâu, tu học theo từng bước, giống như chúng ta học hành trong nhà trường hiện thời, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, lớp Một, lớp Hai, lớp Ba... Tu học như vậy gọi là Tiệm Tu. Pháp môn Niệm Phật chẳng phải là tiệm tu, mà là đốn tu, thành công ngay trong một đời này, chẳng tuân theo thứ tự. Đây là một pháp môn rất đặc biệt. Trong Tiệm Giáo, Báo Thân và Ứng Thân là hai loại tu học [riêng biệt]. Trong hai loại tu học, đều nói tới nhân duyên; sau khi tu thành [sẽ đều là] “*trang nghiêm Pháp Thân cùng một tánh*”.

“*Nhược Đốn Giáo thuyết Báo Ứng nhị tu*” (Nếu dựa theo Đốn Giáo để nói về hai cách tu Báo Thân và Ứng Thân), cách nhìn và cách nghĩ của Đốn Giáo khác biệt Tiệm Giáo rất lớn. Vì sao? Nó xác thực thấy chân tướng sự thật: “*Toàn thị tánh cụ Pháp Thân nhất tánh*” (Toàn là một tánh, tánh ấy vốn sẵn đủ Pháp Thân). Không chỉ là thân này của chúng ta, mà tùy tiện lấy một vật, có vật nào chẳng phải là Tánh? Nơi hữu tình là Phật Tánh, nơi vô tình là Pháp Tánh. Đó gọi là “*xưng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh*”. Có quan niệm và tư tưởng như vậy, nói thật ra, khá nhiều thứ tạp nhạp và tạp niệm đều bị đoạn hết, cho nên thành tựu nhanh chóng. Biết hết thấy vạn pháp vốn cùng một bản thể, biết hết thấy vạn pháp là chân tánh của chính mình. Các đồng học mới tu học sẽ chẳng dễ gì thấu hiểu, quý vị hãy thường từ mộng cảnh mà suy nghĩ, quan sát. Trong kinh, đức Phật thường dùng tỷ dụ này: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, tương tự với chuyện này. Có mộng hay không? Chẳng thể nói là không có, khi nằm mơ, xác thực là có mộng cảnh hiện tiền; nhưng quý vị chẳng thể bảo là nó có. Vì sao? Sau khi tỉnh giấc, thứ gì cũng chẳng có. Mộng do đâu mà có? Mộng do tâm biến hiện. Nói cách khác, tâm là bản thể của chuyện nằm mộng. Mộng nương vào tâm mà khởi. Tâm của quý vị có hình dạng như thế nào? Tâm chẳng có hình dạng. Nếu tâm nằm mộng, chúng ta bèn hỏi: “*Tâm có hình dạng gì chẳng?*” Có! Có như thế nào? Nó biến thành mộng cảnh, mộng cảnh là hình dạng của tâm. Lại hỏi: “*Tâm giống như thế nào?*” Toàn thể mộng cảnh là tâm, đó gọi là “*toàn thể tâm chính là mộng, toàn thể mộng chính là tâm*”.

Chiều theo thí dụ này để xem xét bản tánh của chúng ta, bản tánh của chúng ta ở chỗ nào? Bản tánh là tâm, bất luận là chân tâm hay vọng tâm. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi A Nan: “*Tâm ở nơi đâu?*” Ngài A Nan tìm kiêu nào cũng đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật

phản bác, tìm kiêu nào cũng chẳng tìm được! Thật ra, hết thấy pháp đều là [tâm]! Chẳng cần phải đi tìm. Nói thật ra, chính vì A Nan đã mê, chẳng giác ngộ, tận hết sức dấy vọng tưởng. Hễ có vọng tưởng, chấp trước, bèn chẳng tìm thấy. Nếu buông vọng tưởng, chấp trước xuống, đối với những chỗ lục căn tiếp xúc lục trần, không gì chẳng phải là chân tánh, không gì chẳng phải là Pháp Thân, há có chuyện tìm chẳng thấy! Chân tánh của chúng ta chẳng có hình tướng, nay biến hiện có hình tướng, những gì mắt chúng ta thấy là do Nhãn Thức biến hiện. Đây là tâm biến hiện. Nhắm mắt, chẳng thấy sắc tướng, nhưng tai vẫn có thể nghe. Tai nghe chính là Nhĩ Căn có thể tiếp xúc đối tượng, vẫn do tâm biến thành. Đối tượng tiếp xúc của sáu căn đều là giả, chẳng thật. Đối với sáu loại cảnh giới ấy, nếu căn nào trong sáu căn bị hư hoại, cảnh giới của căn ấy cũng chẳng có. Căn và cảnh là do tương đối mà sanh. Chẳng có cảnh, sẽ chẳng có căn. Chẳng có căn, bèn chẳng có cảnh. Có thể thấy chúng nó đúng là hư vọng, giống như nằm mộng. Cảnh giới chẳng thật. Nếu quý vị coi cảnh giới là thật, sẽ bị thua thiệt to lớn, đó là mê. Thân, tâm, thế giới, không gì chẳng hư vọng. Kinh Kim Cang nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Sắc tướng là hư vọng, thân tướng cũng là hư vọng. Mùi hương do Ty Căn ngửi được cũng là hư vọng, vị do Thiệt Căn nếm được cũng là hư vọng. Cho đến những suy nghĩ loạn xạ trong tâm quý vị cũng đều là hư vọng, chẳng có gì là thật! Đối với những thứ thật sự bày ở trước mặt, quý vị nghĩ kiêu nào cũng chẳng nghĩ được! Chẳng nghĩ bèn đều đạt được, đều viên mãn. Càng nghĩ càng mê, càng mê càng sâu, làm sao quý vị có thể đạt được chân tướng?

Sau khi đã hiểu rõ những chuyện này, mới biết công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Niệm Phật là niệm như thế nào? Niệm Phật là *“toàn tánh khởi tu, toàn tu tức tánh”* (toàn thể tánh khởi tu, toàn thể tu chính là Tánh). Đối với chuyện này, bà cụ già chẳng hiểu chút gì, nhưng cụ tương ứng với nó. Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ, cổ đại đức đã viết: *“Ám hợp đạo diệu”* (Ngâm hợp đạo màu). Ngâm phù hợp, tuy chẳng biết, nhưng bèn âm thầm tương ứng. Bà cụ niệm đến mức tâm địa thanh tịnh, khi đột nhiên thông suốt, sẽ liễu giải còn rõ ràng, chân thật, thiết tha hơn chúng ta; bà cụ đã thật sự thấy. Tâm địa thanh tịnh đến một mức độ khá, sẽ giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Tịnh cực quang thông đạt”*. Tịnh đến mức cùng cực, dùng chuẩn mực của Tịnh Tông để cân nhắc, sẽ thấy đó chính là Lý nhất tâm bất loạn. Xác thực là đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Đốn và Tiệm đích xác là khác nhau, Tịnh Tông là Đốn pháp. Chẳng phải là tùy tiện nói

điều này! Hai thứ phương pháp tu học là Báo Thân và Ứng Thân “*toàn thị tánh cụ Pháp Thân nhất tánh*” (toàn là một tánh, tánh ấy trọn đủ Pháp Thân).

“*Cử Thể khởi tu, cố đắc toàn tánh thành tu, toàn tu tại tánh, tam thân dung diệu, chỉ nhất tức tam*” (Dùng toàn bộ Thể để khởi tu. Vì thế, toàn bộ tánh là tu, toàn bộ tu nơi tánh, ba thân viên dung mâu nhiệm, nêu ra một mà chính là ba), ba tức là một, một tức là ba. Thấy Pháp Thân bèn gọi là “*thành Phật*”, nhà Thiền thường nói “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Nếu chúng ta hỏi tướng trạng kiến tánh rốt cuộc là như thế nào ư? Nói thật ra, tướng trạng kiến tánh thì tôi cũng có thể nói, chư vị cũng có thể thấu hiểu. Vấn đề là quý vị có thật sự thấy rất thân thiết hay không? Nói theo tỷ dụ thì tướng trạng của kiến tánh giống như lúc quý vị đang nằm mơ, bỗng dung giác ngộ: “*Ta đang nằm mơ*”. Biết chính mình đang nằm mơ, toàn thể mộng cảnh đều là chính mình. Cái thân trong mộng là chính mình. Tất cả hết thấy mọi người trong mộng cũng là chính mình. Cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa trong mộng, chẳng có gì không phải là chính mình. Đó là kiến tánh. Biết hết thấy cảnh giới do tự tánh biến hiện; trừ tự tánh ra, chẳng có một pháp nào khác để có thể đạt được. Quý vị dùng tâm thái gì để đối đãi hết thấy đại chúng, đối đãi hết thấy vạn vật? Đối với hết thấy hữu tình chúng sanh, quý vị còn có thị phi, nhân ngã hay chẳng? Còn có ganh tỵ, ngạo mạn hay không? Hoàn toàn chẳng có. Biết Tự và Tha chẳng hai, thân và cõi nước như nhau, tâm quý vị thanh tịnh, tất cả hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều chẳng có. Đó là tướng trạng kiến tánh. Nay chúng ta dùng tâm thái nào để nhìn các chúng sanh, để nhìn thế giới này? Hễ còn có thị phi, nhân ngã, còn có phân biệt, chấp trước, thừa cùng quý vị, nay quý vị đang nằm mộng, nhưng vẫn chẳng biết chính mình ở trong mộng, vẫn chẳng thể tiếp nhận, vẫn chẳng dám nói là “*đang nằm mộng*”. Hiện thời, chúng ta đang ở trong trạng huống này. Khi nào có thể đích thân chứng cảnh giới này, sẽ gọi là “*chúng quá*”. Thật sự chứng đắc cảnh giới này, kinh Phật thường nói là “*viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc*” (viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ chẳng có gì để đạt được). Thứ gì cũng chẳng đạt được, đó là quý vị thật sự chứng đắc, thật sự khai ngộ!

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một chính là nhiều, nhiều chính là một*”. Tùy tiện lấy một pháp, “*nhiều*” là toàn thể. Tận hư không khắp pháp giới là “*một*”, “*một*” là bất cứ pháp nào cũng đều là tận hư không khắp pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm nói trong đầu một sợi lông chứa đựng vô lượng vô biên các cõi Phật, chẳng phải là một thế giới của Phật. Vì sao? Sợi lông



là Pháp Tánh, cõi nước cũng là Pháp Tánh. Tánh và Tánh viên dung, Tánh và Tánh vô ngại. Ở đây nói “*tam thân dung diệu, nhất tức thị tam*” (ba thân dung thông nhiệm mầu, một chính là ba), chính là ý nghĩa này.

**(Diễn) Thị tri viên nhân tu hành, vô hạnh bất viên.**

**(演)是知圓人修行，無行不圓。**

**(Diễn: Do vậy biết: Người viên đốn tu hành, không hạnh nào chẳng viên mãn).**

Câu A Di Đà Phật tùy thuộc quý vị dùng cái tâm gì để niệm? Quý vị dùng tâm Tiệm Giáo để niệm, công đức sẽ rất nhỏ. Dùng tâm viên đốn để niệm, công đức rất lớn. Cùng là một câu A Di Đà Phật y hệt, quả báo khác nhau. Có người coi A Di Đà Phật như tiền để niệm, [vì kẻ ấy nghĩ] niệm Phật một tiếng, bèn trừ một đồng tiền trong Âm Tào, địa phủ. Hằng ngày niệm, trong tương lai, sau khi đã chết, đến Âm Tào, địa phủ, sẽ có tiền dùng. Tâm lượng ấy quá nhỏ, có thể biến thành tiền hay không? Có thể biến! Vì sao? Vạn pháp duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, xác thực là nó có thể biến. “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, tưởng gì bèn biến thành nấy.

Do đó, nếu tri kiến của quý vị là viên, quả báo do niệm một câu Phật hiệu cũng viên. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có viên hay không? Chẳng phải là thuận viên. Vì sao? Chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới, chưa bao gồm tận hư không khắp pháp giới. Niệm Phật vãng sanh, vì sao có người sanh vào cõi Thật Báo? Có người sanh vào cõi Đông Cư? Chúng ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại khái là sanh vào cõi Phương Tiện và cõi Phạm Thánh Đông Cư. Vì sao? Tri kiến chẳng viên. Nếu quý vị hiểu câu A Di Đà Phật là tận hư không khắp pháp giới không gì chẳng bao trùm, dùng tâm thái ấy để niệm, sẽ sanh trong cõi Thật Báo, hoặc cõi Thường Tịch Quang. Bốn cõi và chín phẩm cũng là duy thức sở biến, phải biết điều này!

Chư vị phải hiểu: Người có tâm lượng to, quả báo thù thắng, trong cuộc sống hằng ngày, [người ấy] xử sự, đãi người, tiếp vật, chắc chắn sẽ khác hẳn. Hễ còn có tranh chấp nhân ngã, tranh chấp thị phi, hoặc tranh chấp tốt xấu, tâm lượng sẽ rất nhỏ, dẫu niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh. Vì sao? Vì quý vị sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ khuấy tung Tây Phương Cực Lạc. Nơi đó là Tịnh Độ, tâm lượng to lớn như vậy, quý vị đến đó, mỗi ngày đều gây chuyện, mỗi ngày kiếm chuyện thị phi! Do đó, quý vị chẳng thể bước qua ngưỡng cửa của A Di Đà Phật được! “*Tâm tịnh, cõi nước tịnh*”, các đồng tu nhất định phải ghi nhớ chuyện này.

Tuyệt đối chẳng phải là nói: “Mỗi ngày tôi niệm mười vạn câu, hoặc niệm hai mươi vạn câu, tôi nhất định vãng sanh”, chẳng đáng trông cậy! Nếu tâm địa thật sự thanh tịnh, một ngày niệm một tiếng hoặc hai tiếng cũng nhất định vãng sanh. Bảo quý vị hãy tịnh niệm tiếp nối, bảo quý vị niệm Phật chẳng gián đoạn, là do nguyên nhân nào? Do tâm quý vị chẳng thanh tịnh, vọng niệm rất nhiều. Vì thế, khuyên quý vị [niệm Phật sao cho] câu này tiếp nối câu kia như thế, niệm tới mức hết sạch vọng niệm, chẳng để cho vọng niệm dấy lên hiện hành, nhằm mục đích này.

Đoạn Sớ Sao này là tinh hoa của toàn bộ lời Sớ. Đoạn văn này rất dài, nhằm giải thích một câu “*nhất tâm bất loạn*”. Đây là “*viên nhân*” (người căn tánh viên đốn), “*viên*” (圓) là trong tâm địa chẳng có vọng tưởng, chấp trước bèn viên. Hễ có một vọng tưởng, có một tri kiến, sẽ chẳng viên. Lục Tổ đại sư nói: “*Vốn chẳng có một vật*”; chẳng có một vật bèn viên. Nếu trong tâm quý vị còn có [ý niệm] “*ta chẳng có một vật*”, sẽ hoàn toàn chẳng viên, vì quý vị còn có [ý niệm] “*chẳng có một vật*” thì cũng không viên. Chúng ta niệm Phật, cầu nhất tâm bất loạn, nhưng thường nghĩ tưởng “*ta vẫn chưa đắc nhất tâm bất loạn*”, hoặc “*khi nào ta sẽ đắc nhất tâm bất loạn*” thì sẽ chẳng viên. Vì sao? Trong tâm quý vị có một cái “*nhất tâm bất loạn*”, đó là vọng tưởng, là vọng niệm.

Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng tu: “*Có nguyện, nhưng chớ nên có tâm*”. Điều này chẳng dễ hiểu cho lắm! Có nguyện mà lại chớ nên có tâm, vì “*có tâm*” chính là vọng tưởng, nguyện xác thực là có, nhưng quyết định chẳng có vọng tưởng. Khởi tâm động niệm là vọng tưởng, nguyện chẳng phải là vọng tưởng, phải hiểu rõ điều này. Coi vọng tưởng là nguyện của chính mình, sai mất rồi! Đã biến thành chướng ngại.

**(Diễn) Viên nhân đối pháp, vô pháp bất diệu.**

**(演) 圓人對法，無法不妙。**

**(Diễn: Người căn cơ viên đốn đối pháp, không pháp nào chẳng diệu).**

“*Pháp*” là vạn vật, diệu ở chỗ nào? [Những gì] mắt trông thấy là thấy sắc tánh (hoặc nói là “*tánh sắc*”), [những gì] tai nghe là nghe tánh thanh, nói “*tánh thanh*” hay “*thanh tánh*”, ý nghĩa như nhau. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói: “*Sáu căn tiếp xúc là diệu tánh*”, đó chính là “*kiến tánh*”. Mắt thấy tánh, tai nghe tánh, mũi ngửi tánh, lưỡi nếm tánh, tay chạm tánh, chẳng có gì không phải là tánh. Thông thường, chúng ta

dùng một chữ để biểu thị chung, minh tâm “*kiến tánh*”, kiến tánh bèn thành Phật. Thành Phật là thành tựu trí huệ chân thật, kinh Vô Lượng Thọ nói “*trụ chân thật huệ*”, đó là kiến tánh thành Phật. Bốn câu trước nói về viên tu, viên ngộ, viên chứng diệu quả. Dưới đây bèn phối hợp với pháp Niệm Phật để xem:

**(Diễn) Tức nhất cú Di Đà, đương thể tức Không, tức Giả, tức Trung.**

**(演)即一句彌陀，當體即空即假即中。**

**(Diễn: Vậ thì bản thể của một câu Di Đà chính là Không, chính là Giả, chính là Trung).**

Đây chính là Thể, Tướng, và tác dụng (Dụng) của vạn pháp trong vũ trụ như tông Thiên Thai đã nói. Họ dạy chúng ta Tam Quán: Không Quán, Giả Quán, Trung Quán. Không Quán là nói về bản thể của hết thảy các pháp. Bản thể trọn chẳng thể được, cho nên bảo nó là Không. Giả Quán là nói về hiện tượng. Ví như nằm mộng, Không Quán là nói tới cái tâm có thể nằm mộng. Cái tâm ấy trọn chẳng thể được, lục căn chẳng thể tiếp xúc được, chúng ta gọi nó là Không. Giả Quán là mộng cảnh, cảnh giới trong mộng phân minh, rành rẽ, [nhưng] các tướng ấy là giả tướng, chẳng thật. Trong Phật pháp, nói tới “chân, giả”, thì giả tướng là có sanh diệt, còn bất sanh, bất diệt là chân. Chúng ta nhìn ra hết thảy muôn vàn hiện tượng trong vũ trụ, [sẽ thấy] động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, từ khoáng vật cho đến tinh cầu sẽ là thành, trụ, hoại, không. Xác thực là vạn pháp vô thường, vô thường bèn có sanh diệt. Đó là giả, chẳng thật.

Quý vị quan sát cận kề, tâm chúng ta là vọng tâm. Vọng tâm là giả, vì sao là giả? Nó có sanh diệt, niệm này sanh, niệm kia diệt, tâm ấy chẳng phải là chân tâm. Chân tâm chẳng có sanh diệt, chẳng có ý niệm, tâm ấy là thật. Hữu niệm là vọng tâm, vô niệm là chân tâm. “Ta vô niệm, niệm gì cũng đều chẳng có”, tâm ấy là thật hay giả? Vẫn là giả, vì sao? Vì ta có “vô niệm”, cái vô niệm ấy chẳng lâu sau bèn lại chẳng có, lại biến thành hữu niệm. Vô niệm và hữu niệm vẫn là sanh diệt. Phải rất cẩn thận thấu hiểu điều này, ngàn muôn phần đừng hiểu lầm, hiểu lầm sẽ bị phiền phức.

Tâm pháp, tâm sở pháp, bất tương ứng hành pháp, và sắc pháp được nói trong Bách Pháp [Minh Môn Luận] đều là pháp hữu vi. Hữu vi bèn có sanh diệt. Kinh Kim Cang nói: “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, quý vị bèn hiểu pháp hữu vi có phạm vi bao quát hết sức to

lớn. Pháp vô vi gồm có sáu pháp, vượt ngoài định nghĩa về “hữu vi”, nhưng chúng có phải là pháp vô vi thật sự hay không? Chưa chắc! Bởi lẽ, vô vi có vô vi thật sự, lại còn có vô vi tương tự. Thí dụ như “*hư không*”, suốt từ xưa cho đến nay, hư không chẳng nầy sanh biến hóa. Hư không là pháp vô vi, có phải là vô vi thật sự hay không? Chẳng phải là vô vi thật sự, nó thuộc loại vô vi tương tự. Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói: “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Nhà Thiền nói “*đập nát hư không thành bột*”, hư không có thể đập nát thành bột thì đương nhiên chẳng phải là thật! Vô vi thật sự chỉ có một, pháp cuối cùng trong Bách Pháp là Chân Như vô vi, đó là [vô vi] thật sự. Cảnh giới trong Định cũng là pháp vô vi, nhưng chẳng phải là rốt ráo; hễ xuất Định bèn chẳng có, vẫn khôi phục sự sanh diệt y hệt.

Điều này nói rõ: Chúng ta khởi tâm động niệm đều là hư vọng. Hằng ngày làm những chuyện hư vọng ấy, làm những chuyện giả trá ấy, làm rất mệt mỏi, mà cũng làm rất khổ sở, có ý nghĩa gì đâu? Phải giác ngộ điều này! Nhưng quý vị chẳng thể không làm, tôi rất muốn không làm, nhưng chẳng được! Tự mình không thể làm chủ, niệm này tiếp nối niệm kia, muốn chẳng khởi tâm, muốn không động niệm, nhưng chẳng làm được! Điều này gọi là “*tập khí*”. Theo như kinh luận Duy Thức đã nói, như kinh Lăng Già hoặc kinh Giải Thâm Mật đã nói, tập khí chúng tử giống như thác nước, chẳng thể ngừng được! Phiền não tập khí từ vô thủy kiếp tới nay dữ dội như thế đó! Đức Phật ban cho chúng ta các pháp môn nhiều ngàn ấy, những pháp môn ấy đều nhằm đối trị [các phiền não, tập khí đó]. Làm thế nào để giảm bớt và tiêu trừ tập khí, đó là tổng cương lãnh tu hành trong Phật pháp. Tu gì vậy? Chính là tu điều này.

Trong tất cả các pháp môn, nếu chúng ta rất lắng lòng quan sát, lãnh hội, [sẽ thấy] xác thực là pháp môn Niệm Phật xảo diệu, buộc quý vị suốt ngày từ sáng đến tối ghi nhớ một câu Phật hiệu, chuyên chú nơi một câu Phật hiệu. Ý niệm dấy lên, hễ dấy lên, sẽ toàn là Phật hiệu, chẳng để cho những tạp niệm khác hiện tiền. Thiền tuân theo nguyên lý này, Mật cũng là nguyên lý này. Tịnh Tông và các tông ấy chẳng khác gì nhau. Niệm Phật như vậy thì tham Thiền, quán tâm, tham thoại đầu, và “tam mật tương ứng” của Mật Tông có khác gì nhau? Xác thực là chẳng khác gì cả, nhưng xét theo phương pháp, [Tịnh Tông] sẽ dễ dàng, thuận tiện hơn họ. Đó là ưu điểm của pháp Niệm Phật. Quán tâm, tham thoại đầu, mật chú chẳng thể khuất phục, diệt trừ phiền não thì phương pháp Niệm Phật có cách hàng phục. Niệm Phật có công đức thù thắng, xác thực là bậc nhất. Huống hồ đối với một câu Phật hiệu, nếu quý vị thật sự liễu giải, tri kiến viên

mãn, câu Phật hiệu cũng viên mãn. Một câu A Di Đà Phật viên tu, viên chứng.

“*Đương thể tức Không, tức Giả, tức Trung*” (Bản thể chính là Không, chính là Giả, chính là Trung): Trung là khởi tác dụng, dùng Trung. Giáo học của Nho gia dùng Trung, [tức] Trung Dung. Phật pháp cũng nhấn mạnh “dùng Trung”, đã chẳng thiên Hữu, mà cũng chẳng thiên Không. Thiên Hữu là sai lầm, thiên Không vẫn là sai lầm. Hàng Tiểu Thừa thiên Không, phàm phu thiên Hữu. Phàm phu chấp trước những giả tướng ấy, ngỡ chúng là thật. Hàng Tiểu Thừa chấp trước Không, cũng tưởng nó là viên mãn. Đầy đều là kiến giải sai lầm. Hàng Tiểu Thừa đọa Thiên Chân Niết Bàn, đức Phật bảo họ “*đọa trong hầm vô vi*”, chẳng khởi tác dụng. Đó cũng là khổ, chẳng có lạc. Phàm phu coi giả là thật, bèn mê hoặc, tạo nghiệp thọ báo ở trong ấy, khổ không thể diễn tả được, sai mất rồi! Chỉ có Phật, Bồ Tát thấy rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật, cho nên có Thể, có Tướng, có tác dụng viên diệu. Ở trong ấy, các Ngài lìa khổ được vui. Trong hết thấy các pháp, các Ngài hưởng thụ rất tự tại. Tuy hưởng thụ, tâm địa các Ngài thanh tịnh, quyết định chẳng ô nhiễm. Tâm địa của hàng Tiểu Thừa thanh tịnh, chẳng dám hưởng thụ. Phàm phu hưởng thụ, tâm chẳng thanh tịnh. Phật, Bồ Tát hưởng thụ, tâm rất thanh tịnh, khác biệt ở ngay chỗ này. Do vậy, Phật, Bồ Tát sung sướng nhất. Người ta hỏi quý vị: “*Vì sao muốn làm Phật, làm Bồ Tát?*” Do sung sướng! Thật vậy, chẳng giả. Nói cách khác, hề thật sự sung sướng bèn gọi là Phật, là Bồ Tát; chẳng sung sướng bèn gọi là Nhị Thừa, là phàm phu. Chuyện là như vậy đó!

**(Diễn) *Đương thể tức niệm tự tánh Thiên Chân chi Phật.***

**(演) 當體即念自性天真之佛。**

**(Diễn: Từ ngay nơi bản thể, bèn niệm vị Phật Thiên Chân trong tự tánh).**

Thật vậy, chẳng giả tí nào. Kinh này nói “*nhất tâm bất loạn*”, kinh Vô Lượng Thọ nói “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, đều là nói về cảnh giới này. Bồ Đề tâm là giác tâm. Một câu Bồ Đề tâm chính là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” trong tựa đề kinh này. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác chứ không mê. Hoàn toàn hiểu rõ Thể, Tướng, và tác dụng của hết thấy vạn pháp, tâm ấy là Bồ Đề tâm. Dùng tâm ấy để một mực chuyên niệm, sẽ là niệm tự tánh Thiên Chân Phật. A Di Đà Phật là Thiên Chân Phật của chính mình! Quý vị chớ nên hiểu lầm “ta đã thành Thiên Chân Phật”, quý vị mê đến chỗ nào rồi? Mê như thế nào? Quý vị khởi tâm

động niệm, bèn có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng dấy lên. Đây là bảo cho quý vị biết: Tự tánh Thiên Chân Phật là ai? Chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. A Di Đà Phật do tự tánh của chúng ta biến hiện, giống như đang ở trong mộng lại nằm mộng, mộng thấy A Di Đà Phật, biết A Di Đà Phật là do tự tánh của ta biến hiện, có ý nghĩa này. Có A Di Đà Phật hay không? Xác thực là có. Ở chỗ nào? Xác thực là trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, xác thực là tự tánh Thiên Chân Phật, xác thực là có một vị Phật tại đó, có Báo Thân, có Ứng Hóa Thân, như thế là đúng. Quyết định chẳng khởi tâm, không động niệm, đúng như đang ở trong mộng cảnh bèn hoảng nhiên đại ngộ, biết “hết thấy vạn pháp là chính mình, Tự và Tha chẳng hai”, cuộc sống càng thoải mái, tự tại. Trong ấy, xác thực là có thể hưởng thụ “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Điều gì vô ngại? Chẳng chướng ngại Pháp Tánh của chính mình, chẳng chướng ngại thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình, có thể khiến cho hết thấy chúng sanh phá mê khai ngộ, xác thực là có năng lực ấy, có phương tiện thiện xảo ấy, tức là có phương pháp để giúp đỡ hết thấy chúng sanh phá mê khai ngộ.

***(Diễn) Nhi niệm thật vô niệm, thị vô sanh diệt tướng.***

***(演)而念實無念，是無生滅相。***

***(Diễn: Niệm mà thật sự vô niệm, chính là tướng vô sanh diệt).***

Tuy Phật hiệu câu này tiếp nối câu kia, quý vị nói xem: Hữu niệm hay vô niệm? Hữu niệm và vô niệm là sanh diệt. Xét theo tướng bèn là hữu niệm, “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, trong tâm vô niệm, [nghĩa là] trong tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, công phu bèn cao. Chúng ta chẳng thể học theo, hễ học theo bèn hỏng bét. Vì sao? Miệng có, tâm không. Chúng ta là “miệng có, tâm không”, niệm Phật kiểu đó chắc chắn chẳng thể vãng sanh. Người ta là miệng có, chẳng có vọng tâm, nhưng có chân tâm. Nay chúng ta muốn học theo họ, nhưng chúng ta chẳng có chân tâm, mà có vọng tâm, có hỏng bét hay là không? Vọng tâm của chúng ta là hư vọng, phân biệt, chấp trước. Do vậy, thừa cùng chur vị, những thứ này chẳng thể học được, chẳng phải là [có thể] học được. Vì quý vị “có học”, đó là vọng tâm, đã rớt vào ý thức, làm sao có thể là xứng tánh cho được? Trong tánh chẳng có thứ gì để học được! Tánh là pháp “vốn là như thế” (pháp nhĩ như thị), tự nhiên là như vậy. Kinh Vô Lượng Thọ nói liên tiếp tám thứ tự nhiên, đó là xứng tánh, là tự nhiên. Hễ có một niệm mong học, chắc chắn chẳng thể học thành công. “*Nhi niệm thật vô niệm, thị vô*

*sanh diệt tướng*” (Nhưng niệm mà thật sự vô niệm, chính là tướng vô sanh diệt), bất sanh, bất diệt.

**(Diễn) Tịch Chiếu nan tư, thị vô không hữu tướng.**

**(演)寂照難思，是無空有相。**

**(Diễn:** “Tịch Chiếu khó nghĩ tưởng” chính là chẳng có tướng Không và Hữu).

Niệm mà thật sự vô niệm, chẳng có tướng sanh diệt. “Tịch Chiếu nan tư” là chẳng có tướng Không - Hữu. Tịch là Thể của tâm, Chiếu là Dụng của tâm. Tuy trong tâm “*như như bất động, chẳng chấp lấy tướng*”, nhưng toàn thể pháp giới rõ ràng, rành mạch, phân minh. Đó là Chiếu, chẳng thể nghĩ bàn.

**(Diễn) Như Trí bất nhị, thị vô năng sở tướng.**

**(演)如智不二，是無能所相。**

**(Diễn:** Như và Trí chẳng hai, chính là không có tướng Năng và Sở).

“*Như*” là Lý như như. Lý là Lý Thể. Lý Thể và sự tướng chẳng hai. Mở kinh Phật ra, câu đầu tiên là “*như thị ngã văn*”, kinh Phật giảng điều gì? Giảng về Như Như. Đối với hai chữ “*như như*” (如如), chữ Như thứ nhất là Thể, pháp giới, chân tâm, bản thể; chữ Như thứ hai là hiện tượng, là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Dùng tỷ dụ để nói thì chữ Như thứ nhất là vàng, chữ Như thứ hai là đồ vật. Đồ vật là vàng, vàng là đồ vật. Đồ vật như vàng, vàng như đồ vật, Như là chẳng hai. “*Trí*” là gì? Hiểu rành mạch, rõ ràng hiện tượng này. Cái trí có thể hay biết (năng tri chi trí) và những sự lý được biết [bởi cái trí năng tri ấy] là một, không hai. Vì sao là một? Trí là trí huệ trong bản tánh của chính mình. Lý là Lý của bản tánh. Tướng là “*hiện tướng*” (tướng hiện ra) của bản tánh. [Lý, Tướng, Trí] tuy một mà ba, tuy ba mà một. Ngoài chân tâm chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, Năng và Sở bèn chẳng có. Nếu là hai thứ thì còn có Năng và Sở, [tức là] có cái trí hay biết và đối tượng được biết [bởi cái trí ấy], Năng và Sở bèn đối lập. Đối lập chính là hai pháp, chẳng phải là một pháp. Phật pháp là pháp bất nhị, hễ “*nhị*” sẽ chẳng phải là Phật pháp. Đây là nói tới chỗ thật sự viên mãn rất ráo. Vạn pháp như một, có sao biết “*vạn pháp như một*”? Do có trí huệ Bát Nhã! Quý vị liễu giải “*vạn pháp như một*”, “*một*” là chính mình, chẳng hai. Do vậy, chẳng có tướng Năng và Sở.

**(Diễn) Bất khả tư nghị.**

**(演)不可思議。**

**(Diễn: Chẳng thể nghĩ bàn).**

“Chẳng thể nghĩ bàn” là tổng kết bất sanh, bất diệt, chẳng phải Không, chẳng phải Có, chẳng có Năng, chẳng có Sở, chẳng thể nghĩ bàn! Tất cả hết thấy đối lập, nay chúng ta nói là “tương đối”, đều chẳng tồn tại, nên chẳng có cách nào nghĩ ngợi, chẳng có cách nào bàn luận. Vì [điều gì] có thể nghĩ bàn sẽ đều là tương đối; do tương đối nên mới có thể suy nghĩ, mới có thể nghiên cứu, thảo luận. Lìa khỏi hết thấy tương đối, sẽ chẳng có cách nào nghĩ bàn.

**(Diễn) Thị vô ngôn thuyết tâm duyên đẳng tướng.**

**(演)是無言說心緣等相。**

**(Diễn: Là chẳng có các tướng ngôn thuyết, tâm duyên v.v...).**

Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên. “Tâm duyên” là khởi tâm động niệm. Ba thứ ấy đều lìa khỏi bèn gọi là Thật Tướng, chân tướng hiện tiền.

**(Diễn) Danh hiệu hà phi Thật Tướng dã?**

**(演)名號何非實相也。**

**(Diễn: Lẽ nào danh hiệu chẳng phải là Thật Tướng?)**

Người biết niệm Phật dùng cái tâm và phương thức như vậy để niệm. Chúng ta nghe xong, [liền biết] niệm Phật chẳng đơn giản! Niệm Phật như vậy chính là Thật Tướng Niệm Phật trong bốn loại Niệm Phật. Do Thật Tướng Niệm Phật, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta nghe xong, chẳng làm được, mà học cũng không nổi. Thế nhưng rất mong trong cuộc đời này, chính mình cũng có thể đạt tới cảnh giới ấy, có thể làm được hay không? Thừa cùng chư vị, ai nấy đều có thể làm được. Chỉ cần quý vị thật thà niệm một câu A Di Đà Phật là được rồi! Trong cuộc sống hằng ngày, hễ cái gì cho qua được thì cho qua, chớ nên so đo cùng kẻ khác, đừng nên phân biệt, chấp trước. Học Phật mà dường như càng học càng ngốc, đó là công phu đắc lực. Càng học càng thông minh thì hỏng bét, thông minh sẽ bị làm lẫn bởi thông minh! Càng học càng thông



minh tức là vọng tưởng càng nhiều, tạp niệm càng nhiều, thị phi càng nhiều, hồng mắt rồi, chẳng tương ứng! Vì thế, phải học hồ đồ. Ông Trịnh Bản Kiều<sup>2</sup> viết: “*Hồ đồ khó có!*” Thông minh đã khó, hồ đồ càng khó hơn. Từ thông minh chuyển sang hồ đồ là sự khó nhất trong các sự khó! Chư vị hãy chú tâm lãnh hội ý vị này, sau đó mới hiểu: Chúng ta [cần phải] làm như thế nào thì mới thật sự nắm chắc niệm câu Phật hiệu tốt đẹp. Thật sự có thể nắm chắc chuyện này, sẽ quyết định vãng sanh trong một đời này; đó là chuyện có thể làm được. Vì vậy, Trì Danh ngầm hợp đạo màu; đạo màu chính là Thật Tướng.

Phần chú giải này nhằm giảng rõ câu cuối cùng trong lời Sao: “*Tướng hảo ký tức Pháp Thân, danh hiệu hà phi Thật Tướng*” (Tướng hảo đã là Pháp Thân, danh hiệu lẽ nào chẳng phải là Thật Tướng). Hai câu nói này của đại sư rất sâu, rất khó thể thấu hiểu. Pháp sư Cổ Đức giải thích hai câu ấy, giải thích rất hay. Sư đã giải thích như thế, chúng ta đọc xong mới thật sự thấu hiểu ý nghĩa trong hai câu nói của Liên Trì đại sư, nhận thức công đức của danh hiệu sâu hơn một bước nữa. Thật sự nhận thức thì mới chẳng bị dao động bởi những pháp môn khác. Quý vị gặp người tu Thiền, họ nói “Thiền hay lắm”, gặp kẻ học Mật bảo “Mật hay hơn pháp này của quý vị, có thể thành Phật ngay trong thân này”, thường là chúng ta nghe xong bèn động tâm. Đó đều là vì chẳng nhận thức rõ ràng pháp môn này. Học một khoảng thời gian, [cảm thấy] dường như chẳng có hiệu quả, chẳng biết vì sao không có hiệu quả, chẳng tìm ra nguyên nhân thật sự, liền buông bỏ, theo học pháp môn khác. Nói thật thà, niệm Phật mà chẳng đạt được hiệu quả thì có thể nói là học pháp môn gì cũng đều chẳng thể thành tựu! Học các pháp môn khác chẳng thành công, quay về niệm Phật bèn có thể niệm thành công, thật đấy! Vì sao? Tu học các pháp môn khác, chưa chắc đã thích hợp với căn tánh của kẻ đó, chưa chắc đã khế cơ. Pháp môn này khế hợp phổ biến căn tánh của hết thảy chúng sanh trong pháp giới, chẳng có người nào không khế cơ. Nói cách khác, tất cả hết

---

<sup>2</sup> Bản Kiều (板橋) là biệt hiệu của Trịnh Tiếp (鄭燮, 1693-1766). Ông Trịnh có tên tự là Khắc Như, biệt hiệu là Bản Kiều đạo nhân, người trấn Đại Đóa, huyện Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô, quê ở Tô Châu. Trịnh Bản Kiều là một vị quan vào đời Thanh, đồng thời là một học giả và thư pháp gia lỗi lạc dưới thời Càn Long. Ông đỗ Tiến Sĩ vào năm đầu Càn Long, làm quan có tiếng nhân đức, thương dân. Những trước tác còn lưu lại là Bản Kiều Thi Sao, Bản Kiều Từ Sao, Bản Kiều Thư Gia, Bản Kiều Đề Họa, Bản Kiều Tiên Sinh Ấn Sách v.v... Ông nổi tiếng về tài thư họa, được người đương thời coi là một trong Dương Châu Bát Thánh. Điểm đặc biệt là ông giỏi cả bốn lối chữ Triện, Lệ, Thảo, Hành, lại còn sáng tạo kiểu viết Lục Phân Bán Thư, rất được vua Càn Long và người đương thời tán thưởng.

thấy chúng sanh đều là bậc đương cơ của pháp môn này, còn gì để nói nữa? Ngay như Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài đã tu bao nhiêu pháp môn? Tới cuối cùng, vẫn đều buông xuống hết, chuyên môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Các Ngài đã nêu gương rất tốt đẹp cho chúng ta. Các Ngài là bậc từng trải đối với tám vạn bốn ngàn pháp môn, cuối cùng vẫn phải tu pháp môn này, tỏ rõ pháp môn này thù thắng khôn sánh, chân thật bậc nhất. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.